

HẠNH PHÚC TRONG ĐỜI SỐNG XUẤT GIA



Hôm kia chúng ta đã học về “Hạnh phúc và trách nhiệm trong đời sống hôn nhân”. Chúng ta đã biết những việc cần phải hiểu, phải làm và phải ứng xử trong hôn nhân như thế nào. Hôm nay là một chủ đề ngược lại đó là: “Hạnh phúc trong đời sống xuất gia”. Nếu hôn nhân là một trong những mục đích lớn của đời người thì xuất gia sống đời phạm hạnh, thoát tục lại là lĩnh vực khác. Đặc biệt đối với một số người, vấn đề này còn quan trọng hơn cả đời sống hôn nhân. Sau khi đã trải nghiệm, nếm trải khổ đau, phiền muộn, trói trằng của đời sống hôn nhân thì họ có nhu cầu được thoát khỏi nó. Có một bài thơ như sau:

Nhất bát thiên gia phạn,

Cô thân vạn lý du.

Kỳ vi sinh tử sự,

Giáo hóa độ xuân thu.

Đây là bài thơ âm Hán Việt phổ biến trong giới tu hành Phật giáo, đặc biệt ở Việt Nam và Trung Quốc. Nó vẽ ra trước mắt ta hình ảnh của một vị

Sa-môn tu hành theo Phật giáo, cô độc rong ruổi trên vạn dặm đường. Để rõ hơn, Sư ông sẽ dịch bài thơ này cho các con nghe:

- *Nhất bát thiên gia phạn*: “Nhất bát” là chiếc bình bát đi khất thực. “Thiên gia phạn” là nhận bố thí, cúng dường cơm bánh của quần chúng đủ thành phần trong xã hội. *Một chiếc bình bát thọ dụng cơm của ngàn nhà*. Nghĩa đen là vậy.

- *Cô thân vạn lý du*: “Cô thân” là một mình một bóng, không có người bên cạnh. Người xuất gia không vợ, không chồng, không gia đình. Với những vị có bản lĩnh đặc biệt, đã giác ngộ thì họ có thể một mình rong ruổi trên vạn dặm đường hoàn toàn không sợ hãi, hoàn toàn không nương tựa vào ai hết mà chỉ nương tựa vào chính mình. “*Cô thân vạn lý du*” nghĩa là *một thân một bóng rong ruổi, nhẹ bước trên vạn dặm đường*. Vì sao phải chọn lối sống cô đơn, cô độc, không nương tựa vào bất kỳ ai? Câu sau chính là câu giải thích.

- *Kỳ vi sinh tử sự*: Người chọn lối sống như vậy vì *mục đích giải thoát khổ đau vượt qua việc sống chết*. “Sinh tử sự” là việc sống chết. Khi nói sống chết là nói đến khởi đầu và kết thúc. Giữa hai thời điểm này là cả một cuộc sống dài đằng đẵng, có thể là vài ba chục năm đối với một số người, có thể là năm bảy chục năm đối với những người khác và một số ít thì tám chục đến

trăm năm. Nhưng ngắn hay dài phụ thuộc vào tâm lý, bên cạnh thời gian vật lý. Từ sinh đến tử, có một điều chắc chắn mà đức Phật đã dạy, đó là khổ sâu hơn vui vẻ. Với các con bây giờ, tuổi trẻ, còn đang khỏe và nhiều mơ ước, còn một tương lai ở phía trước cho nên chưa cảm nhận được nỗi phiền muộn, khổ cực của đời sống đâu. Nhưng các con về nhà hỏi thử ông bà xem, sau khi trải qua năm bảy chục năm trên cuộc đời này rồi bây giờ ông bà cảm thấy cuộc sống này buồn hay là vui, khổ hay là lạc? Các con sẽ nhận được câu trả lời na ná lời dạy của đức Phật, khổ nhiều hơn sướng, buồn nhiều hơn vui.

- *Giáo hóa độ xuân thu*: Đối với một vị xuất gia thì ngoài mục đích vượt qua sinh tử, giải quyết khổ đau còn có một vấn đề thứ hai nữa. Là khi thấy được lẽ đạo, thấu triệt được lời dạy của đức Phật, thì vị ấy tự mình chứ không phải ai bắt buộc (rất khác với cuộc sống gia đình là trách nhiệm bắt buộc gánh vác theo quy định của xã hội và pháp lý) ở đây, vị xuất gia sẽ *miệt mài dạy dỗ, giáo hóa để chuyển hóa người hữu duyên*. Với đạo Phật, chỉ có thể giáo dục, chuyển hóa một người đang khiếm khuyết, thiếu sót, lầm lỡ dần thay đổi bằng những phẩm chất tốt đẹp do tu tập, rèn luyện và nhận thức, chứ không phải ai cũng có thể độ được, cũng có thể dạy được. Cho nên gọi là giáo hóa, dạy dỗ đối những người hữu duyên, miệt mài giáo dục, chuyển hóa người không kể thời gian. “Xuân

thu” - hai từ này chỉ cho tháng năm. Ví dụ như hỏi bao nhiêu tuổi, ngày xưa cách hỏi vẫn về là “Cụ được bao nhiêu xuân thu rồi?”.

“*Kỳ vi sinh tử sự, giáo hóa độ xuân thu*” nghĩa là khi mình đã giác ngộ giải thoát, tự gánh lấy trách nhiệm giáo dục, giác ngộ những ai hữu duyên biết lắng nghe để họ tự thấy ra được gốc gác của vấn đề, chuyển hóa đời sống của họ, điều chỉnh lại thân tâm họ. Và vị này không mệt mỏi trong sứ mạng tự mình chọn không màng đến tháng năm. Bài thơ này vẽ ra trước mắt chúng ta một hình ảnh đẹp của đời sống xuất gia tu hành và nó đã được khẳng định trong một lời dạy của đức Phật, ngay buổi đầu khi Ngài vận chuyển bánh xe pháp, câu chuyện như sau:

Đó là thời điểm vào năm đầu tiên sau khi thành đạo, khi đã độ được những đệ tử đầu tiên là nhóm năm vị do ngài Kiều-Trần-Như đứng đầu. Sau mùa mưa năm đó, đức Phật lại gặp tiếp một nhóm năm mươi tư vị công tử, giàu có, đại thiếu gia, mà lãnh đạo của nhóm đó chính là công tử Yasa, con trai của bà tín nữ dâng cơm sữa cho Ngài dùng trước đêm Ngài giác ngộ. Công tử Yasa cũng được đức Phật điểm đạo, chỉ cho thấy con đường và chẳng bao lâu cũng giác ngộ, giải thoát như nhóm đệ tử đầu tiên. Bảy giờ năm vị đệ tử đầu tiên và nhóm năm mươi tư người này cùng với đức Phật tổng cộng là sáu mươi vị Phật xuất hiện. (Đức Phật là Phật Toàn Giác, các vị kia gọi là Thịnh

Văn Giác vì nghe đức Phật giảng mà được giác ngộ). Đức Phật trước mặt đầy đủ các môn đệ của mình - những bậc cũng đã giác ngộ như Ngài, đủ bản lĩnh, trình độ để hoằng hóa - Ngài dạy như thế này: “*Này các tỳ-khuru, hãy du hành vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Chớ có đi hai người một chỗ. Này các tỳ-khuru, hãy thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn. Hãy tuyên thuyết Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Có các chúng sinh sinh ra ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe pháp sẽ đi đến hoại diệt. Họ sẽ trở thành những vị thâm hiểu Chánh pháp.*” (Tương Ứng Bộ kinh, S.i.105). Đó là tuyên ngôn đầu tiên của đức Phật về sứ mạng giáo dục hoằng pháp và Ngài đặt trọng trách đó lên nhóm môn đệ đầu tiên của mình.

Ngài cũng nói thêm: “*Này hỡi các tỳ-khuru, hãy hoằng dương Giáo pháp, toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn cuối cùng, toàn hảo trong cả hai, tinh thần và văn tự. Hãy công bố đời sống thiêng liêng cao thượng, vừa toàn thiện vừa trong sạch. Chính Như Lai cũng đi. Như Lai sẽ đi về hướng Uruvela ở Senanigāma để hoằng dương Giáo pháp. Hãy phát lên ngọn cờ của bậc thiện trí. Hãy truyền dạy Giáo pháp cao siêu. Hãy mang lại sự tốt đẹp cho người khác. Được vậy là các con đã hoàn tất*

nhiệm vụ”. Nghĩa là phải khéo léo vận dụng phương tiện, nói năng, phương pháp để truyền đạt sao cho những người nghe có tâm học đạo người ta hiểu được.

Bài thơ này chính là dựa trên nền tảng lời dạy của đức Phật. Thông điệp hoằng pháp, giáo dục đầu tiên đức Phật đã đặt gánh nặng này, trách nhiệm này cho nhóm môn đệ đầu tiên của mình, kể cả Ngài là sáu mươi vị A-la-hán, sáu mươi vị Phật đầu tiên xuất hiện ở giai đoạn đó.

Bây giờ chúng ta đi sâu vào nội dung.

1. Xuất gia là gì?

“Xuất gia” chữ Hán là rời khỏi gia đình. Nghĩa là trước đây mình có gia đình, ông bà, cha mẹ, họ hàng, hoặc có vợ chồng, con cái, bây giờ mình rời khỏi nhà để sống đời sống không nhà, với mục đích “kỳ vi sinh tử sự” như trên đã nói để giải quyết chuyện sinh tử, sống chết của một đời người và vượt qua nỗi khổ, niềm đau. Mục đích của xuất gia là như vậy, chứ không phải là bỏ cái nhà nhỏ của mình để vào cái nhà lớn như tu viện, nhà chùa. Chùa chiền là tài sản chung của cộng đồng Tăng chúng do thập phương tín thí hùn góp, hỗ trợ xây dựng để cho các vị tu hành nương náu. Không phải tài sản riêng của ai cả. Đúng như đức Phật dạy, không ai được phép biến của công này thành tư riêng của mình. Quy định trong nhà Phật rất rõ ràng về chuyện này. Những gì trong

đời sống hằng ngày từ cái ăn cái mặc, thuốc men trị bệnh,... của người xuất gia là hoàn toàn nhờ sự hỗ trợ của thập phương tín thí. Cho nên phải sống đúng với ý nghĩa, mục đích mà mình đã chọn.

Chính xác chữ “xuất gia” trong tiếng Pāli là “pabbajati”, động từ này có nghĩa là rời khỏi gia đình để gia nhập Tăng đoàn - cộng đồng những người tu hành theo đức Phật. Rời bỏ gia đình, gia nhập Tăng đoàn để thực hành con đường thoát khổ nhằm hướng đến một đời sống an lạc, giải thoát.

2. Mục đích của xuất gia.

Khi đức Phật hoằng hóa, truyền bá giáo pháp, có rất nhiều người sau khi nghe Ngài giảng về con đường thoát khổ thì họ từ bỏ gia đình, từ biệt vợ con hoặc chồng con xin xuất gia. Thủ tục đầu tiên khi xuất gia khá đơn giản, thậm chí có người sau khi nói từ biệt xong liền đi ngay nên đã tạo phản ứng cho những người ở trong gia đình, khi chưa được đồng thuận. Chẳng hạn có người xin cha mẹ đi nhưng cha mẹ không cho thì bỏ đi, làm cha mẹ phải sầu khổ. Câu chuyện là lúc đức Phật về thăm lại quê hương của mình tại thành Kapilāvattthu thì hoàng tử Rāhula, khi đó khoảng bảy tuổi, được mẹ là công nương Yasodharā xúi cậu bé đi tới gặp vị Sa-môn dẫn đầu giáo đoàn, bà nói: “Người đó là cha con đó (vì khi sinh ra chú bé chưa được nhìn thấy cha). Hãy xin cha trao lại cho con gia tài, để sau này đất nước này thuộc

về con.” Hoàng tử Rāhula tới gặp đức Phật và thưa lại lời mẹ dạy, xin cha trao lại gia tài. Đức Phật suy nghĩ, nên trao cho chú gia tài thế gian hay gia tài bậc Giác ngộ. Và đức Phật sau khi suy nghĩ đã quyết định: Như Lai sẽ trao quyền thừa kế thánh sản, không phải gia sản thế tục cho con. Ngài dạy Rāhula: “Con hãy đi theo vị Sa-môn kia, vị đó sẽ giúp cho con có được gia sản”. Và người được giao trách nhiệm đó là ngài Xá-Lợi-Phất. Ngài Xá-Lợi-Phất làm lễ xuống tóc và Rāhula trở thành chú sa-di đầu tiên trong Tăng đoàn. Sau này, trong thời gian tu học, thấm nhuần lời dạy của đức Phật, đến khi cơ duyên đầy đủ, Sa-môn Rāhula đã chứng đắc đạo quả A-la-hán. Thời gian đầu khi nghe tin Rāhula xuất gia thì vua Tịnh-Phạn, cha của đức Phật rất buồn. Người than thở: “Con thì xuất gia làm Sa-môn! Giờ cháu cũng đi theo nữa thì tương lai đất nước này, quốc độ này sẽ trao cho ai.” Nhà vua buồn vì chưa được chia sẻ, chưa được hỏi ý kiến mà Rāhula đã trở thành người xuất gia. Vì vậy một hôm vua mới đến gặp đức Phật thưa sự việc: “Bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn từ bỏ hoàng cung đi xuất gia trăm hết sức đau đớn, buồn khổ. Nhưng rồi thời gian cũng ngui ngoai, trăm cũng vượt qua được vì dù sao cũng còn cháu nội là Rāhula. Nhưng bây giờ Rāhula cũng bỏ trăm mà đi, trong khi trăm hoàn toàn không được hỏi ý kiến, cho nên trăm hết sức thông cảm với người cha, người mẹ, người ông, người bà mà con cháu đột ngột bỏ đi xuất gia khi không xin phép hay chưa được

đồng tình. Xin đức Thế Tôn từ nay, nếu những người trẻ muốn xuất gia, hoặc là người có gia đình muốn xuất gia thì phải trao đổi ý kiến với người thân của mình, nên có sự đồng thuận với nhau trước khi xuất gia thì tốt hơn”. Và đức Phật đã chấp nhận lời thỉnh cầu của vua Tịnh Phạn và đã khiến nó trở thành một quy định cho người muốn xuất gia trong Phật giáo.

Từ đó về sau, vị xuất gia nào đang ở với cha mẹ mà chưa được cha mẹ đồng ý thì hầu hết là không được nhận, trừ một số trường hợp đặc biệt. Trường hợp đặc biệt như ngài Xá-Lợi-Phất, là con trai cả, sau khi ngài xuất gia, lần lượt trong gia đình các em trai, gái, tất cả bảy người lần lượt xuất gia hết. Mẹ ngài Xá-Lợi-Phất do vậy oán hận Tăng đoàn, oán hận đức Phật. Bà nói vì Gotama mà con cái bỏ bà đi hết, để bà cô đơn tuổi già một mình. Ngài Xá-Lợi-Phất biết một người cháu trai có duyên, cũng sẽ xuất gia cho nên mới dặn chư Tăng trong vùng rằng: “Sắp tới tôi có đứa cháu đáng đáp thế này, tuổi tác thế kia ở vùng đó, nếu đến xin xuất gia thì quý ngài cứ nhận đi vì mẹ tôi sẽ không cho. Nhưng tôi với vai trò là trưởng bối trong gia tộc sau mẹ, tôi biết duyên của cháu nên tôi cho phép cháu xuất gia.” Vào thời điểm đó, người cháu của ngài Xá-Lợi-Phất làm lễ thành hôn với một cô gái, và đó là người thừa kế của gia tộc giàu có này, cậu đang tuổi trẻ, thanh xuân phơi phới. Theo tập tục địa phương, người ta mời hai người có tuổi tác cao nhất vùng đó, con cháu đông đảo nhất và tương đối

hạnh phúc, đến để chúc phúc cho cặp vợ chồng trẻ này. Người ta có quan điểm rằng, hai người già, có phúc, khi đến chúc phúc thì hai vợ chồng trẻ sau này cũng sẽ sống lâu, nhiều con nhiều cháu (một trong những ước mơ của người đời). Khi được hai ông bà cụ làm lễ chúc phúc, chú rể khi nghe lời chúc, đã ngược nhìn lên và trông thấy hai ông bà cụ da nhăn, tóc bạc, lụm khụm. Trong đầu óc liền liên tưởng về thời gian sau này, mình sẽ trở thành người già, cùng một bầy con cháu, đi đâu cũng phải có người dìu đỡ. Một tương lai hoàn toàn không sáng sủa! Chú rể lập tức khởi lên ý định xuất gia. Vào đêm động phòng, cô dâu sau một ngày mệt mỏi vì lễ nghi nên ngủ mê mệt, chú rể liền bỏ nhà ra đi, tìm đến tu viện gần đó xin được xuất gia. Vì đã được dặn trước nên chư Tăng đã tiếp nhận chú và làm lễ nhập chúng. Thêm một lần nữa nỗi oán hận đối với đức Phật và Tăng đoàn của mẹ Ngài Xá-Lợi-Phất càng sâu dày hơn. Nhưng bà là người có duyên lành nên về sau được ngài Xá-Lợi-Phất quay trở lại độ bà, giải quyết được vấn đề oán hận lâu nay, giúp bà thấy ra được lợi ích của đời sống xuất gia. Đó là vào dịp ngài biết phúc duyên của mẹ đã đến lúc chín muồi nên xin đức Phật trở lại quê nhà nhập diệt và được đức Phật cho phép. Thân mẫu của ngài dù bên ngoài đối xử lạnh nhạt vì tâm đầy oán hận nhưng tình mẫu tử khiến bà quặn thắt lòng khi thấy con bị bệnh kiết lỵ hành hạ nên vẫn âm thầm giám sát, nhắc nhở mọi người phục vụ ngài. Nhờ vậy, trong

đêm cuối cùng ấy bà chứng kiến rất nhiều bậc thiên nhân đến thăm viếng con mình lúc trời đã khuya. Các vị khách này có nhan sắc đẹp đẽ, hào quang rực rỡ, chói sáng. Những vị đến sau khi đêm càng khuya thì ánh hào quang càng rực rỡ, chói sáng hơn những vị đến thăm trước. Bà cụ tò mò vào hỏi và được ngài Xá-Lợi-Phất cho biết: “Vị cuối cùng mà mẹ thấy chính là vị Thượng đế Đại Phạm Thiên mà mẹ thờ đây. Những vị đó khi đến gặp con, giống như chú sadi đến phục vụ thầy mình.” Khi hiểu được, tận mắt chứng kiến, thấy con mình uy tín và vị trí cao cả như vậy, niềm tin về tín ngưỡng trước đây của bà mẹ đều đổ vỡ hết. Đồng thời bà bắt đầu khâm phục, nể phục người con mình. Từ giây phút đó, bà có niềm tin với đức Phật. Tâm bà thay đổi và bắt đầu hướng về Tam Bảo. Khi thấy tâm mẹ mình đã sẵn sàng, ngài Xá-Lợi-Phất mới nói những điều phù hợp với bà, chẳng bao lâu bà thấy rõ được bản chất và giác ngộ. Bằng cách đó ngài Xá-Lợi-Phất đã độ cho mẹ mình.

Bây giờ trở lại vấn đề. Khi đức Phật đi truyền bá chánh pháp và sự nghiệp truyền bá chánh pháp của đức Phật rông rãi suốt bốn mươi lăm năm, Ngài thuyết giảng rất nhiều, gặp rất nhiều đối tượng khác nhau, từ những người nghèo khổ đến những bậc đại gia quyền quý, của cải vô số kể hoặc là các vua chúa. Có ba người đệ tử của đức Phật đại diện cho giai cấp thấp trong xã hội thời bấy giờ như:

- Thứ nhất là một người nghèo khổ, không một xu dính túi, là người kiếm sống bằng một công việc thấp kém nhất xã hội. Người này hằng ngày vào sáng sớm, đi vào các nhà giàu sang, quỳn quý hốt chất thải, tức phân người gán ra ngoài thành đống, cung ứng cho các nơi trồng trọt. Làm nghề đó người ta khinh lăm, không ai dám tới gần vì hôi thối, dơ bẩn. Vậy mà khi có duyên gặp đức Phật và được độ trở thành một bậc Sa-môn nổi tiếng về đạo hạnh. Đến nỗi nhà vua xứ ấy khi biết vị Sa-môn đó ngày xưa là người đổ phân, bây giờ trở thành một vị thánh cũng quý xuống lạy, đánh lễ.

- Thứ hai, đệ tử đức Phật có một tín nữ về sau này liễu ngộ cũng trở thành vị thánh. Đó là một nàng kỹ nữ - Kỹ nữ nổi tiếng chứ không phải loại lang thang ngoài đường. Các vương tôn công tử muốn gặp phải hẹn trước, phải đủ tiền mới được ngồi nói chuyện. Còn muốn cô đánh đàn cho nghe, múa cho xem thì phải bỏ ra vô số tiền bạc. Và khi biết đến Phật pháp, cô cúng dường cả một vườn xoài rộng lớn của cô làm nơi trú chân cho đức Phật, chư Tăng ghé lại nghỉ ngơi và hoằng pháp. Về sau người phụ nữ này xuất gia và cũng trở thành một vị thánh ni.

- Thứ ba là một ông tướng cướp. Một tướng cướp giỏi vô cùng. Ông này chạy nhanh hơn ngựa, cho nên mọi kẻ thù gặp ông đều không thoát được. Ông này bị thầy của mình lừa rằng: “*Nếu con đi giết*

cho đủ một ngàn người và mang về cho thầy một ngàn ngón tay thì thầy sẽ truyền cho con mật pháp để con trở thành vô địch”. Ông bị mắc bẫy vì rất kính phục thầy và rất hiếu học. Người thầy này muốn hại cậu học trò vì bà vợ nhỏ của thầy lại mê cậu học trò, cho nên ông thầy bày ra chuyện này. Ông nghe lời thầy, đi chặn đường giết người lấy ngón tay. Quốc vương xứ đó cử mấy đội lính thiện chiến tới nhưng không địch nổi, đều bị đánh cho tan tác. Và khu rừng nơi ông ở trở thành địa điểm bất khả xâm phạm. Những người vô tình đi vào khu vực này đều bị sát hại. Ông giết đến 999 người thì duyên lành chợt đến. Hôm ấy đức Phật nhìn thấy duyên lành của ông, Ngài liền xuất hiện trước mặt ông. Đứng ra hôm đó không còn người nào khác để ông giết cho đủ túc số một ngàn người, đột nhiên ông chợt nhớ đến bà mẹ, ông muốn về gặp mẹ mình để hoàn thành chuyện đó. Khi người ta giết người quá nhiều, tâm độc ác chế ngự suốt ngày đêm khiến người ta mù quáng, làm hại người thân mình mà không biết. Cũng đúng lúc ấy bà mẹ đang trên đường đến khu rừng ấy để tìm con, khuyên con bỏ ác làm lành. May thay đức Phật xuất hiện chắn đường, ông mừng quá vì thấy có người thể mạng, liền vác dao rượt theo. Nhưng ông càng chạy càng đuổi sức mà vẫn không thể nào bắt kịp vị Sa-môn! Mệt đến mức không tiếp tục được nữa ông dừng lại và la lên: *“Này ông Sa-môn! Sao ông đi nhanh vậy? Tôi chạy theo ông mệt gần đứt hơi mà vẫn không theo kịp. Ông*

dừng lại tôi hỏi cái này.” Đức Phật dừng chân và quay lại nói: “*Như Lai không chạy. Như Lai dừng lại từ lâu rồi. Chính con mới là người đang chạy.*” Là người cực kỳ thông minh nên ông sát thủ này bị câu nói của vị Sa-môn làm cho bàng hoàng. Ông ta vịn lại: “*Ông nói dừng lại là dừng lại cái gì? Rõ ràng ông đi còn tôi thì chạy theo, vậy mà ông nói dừng, không lẽ Sa-môn nói láo.*” Đức Phật tiếp: “*Không! Như Lai dừng là dừng tất cả những hành động, những việc làm hại mình hại người từ lâu rồi. Như Lai dừng tất cả các ác nghiệp không còn tạo nữa. Còn con đang tạo vô số ác nghiệp. Nếu Như Lai không xuất hiện ở đây thì chỉ một chốc nữa mẹ con tới gặp con để khuyên con, con có thể sẽ giết bà ấy. Khi đó tội ác trên thế gian này có bao nhiêu đi nữa cũng không bằng giết cha giết mẹ. Đó là tội ác lớn nhất mà con người phạm phải.*” Nghe như vậy ông bàng hoàng. Lời nói của đức Phật đã thức tỉnh ông. Ông hỏi: “*Bây giờ con phải làm thế nào?*”. Đức Phật trả lời: “*Con phải dừng ngay ác tâm của con đi.*” Ông hiểu ý đức Phật đằng sau câu nói này nên ông thưa: “*Vậy thì ngài Sa-môn cho con theo ngài. Con không còn muốn sống đời sống trước đây nữa. Xin Ngài cho con làm đệ tử của Ngài.*” Đức Phật chấp thuận. Về sau, mỗi khi đức Phật đi đâu, có ông đi cùng trong Tăng đoàn, dân chúng trông thấy đều sợ hãi bỏ chạy hết. Quân đội báo về thành, đức vua phải huy động một đoàn quân đi theo hộ vệ đến gặp đức Phật hỏi vì sao đức

Thế Tôn độ một tên sát nhân cùng cực như thế? Đức Phật từ tốn cho biết: “*Con Như Lai trước đây là kẻ sát nhân vô địch nhưng bây giờ một con kiến, con sâu cũng không giết.*” Nhà vua tin lời đức Phật nên dẫn quân trở về thành, không truy tội và bắt giữ kẻ cướp lừng lẫy kia nữa. Nhưng vì đã giết quá nhiều người, gây thù chuốc oán khắp nơi nên khi biết vị này đã xuất gia và trở thành vô hại, những gia đình có người thân bị giết, đã ném gạch đá, cà chua, trứng thối hoặc đồ xấu xa, bần thủ lên người ông để cho hả cơn giận khiến cho thời gian đầu mới xuất gia của vị đó rất là khổ. Cứ ra đường đi khát thực là bị người ta chửi mắng, bị chọi đá, gạch nhưng vị này vẫn kham nhẫn. Chính vì thế mà biệt danh của Ngài về sau được biết là “vô não”, nghĩa là không làm hại, không làm phiền ai, không làm cho ai phải đau khổ.

Vị này được đời sau biết đến vì một câu nói chân thực. Chuyện kể rằng, một hôm, trên đường đi khát thực, chợt nghe tiếng kêu khóc thảm thiết của một nữ nhân nên vị tỳ-khưu này dừng lại hỏi thăm. Người ở đó cho biết, có một sản phụ chuẩn bị sinh con, mà vì sinh khó nên đang quần quai đau đớn, người thân trong nhà cũng buồn rầu lo lắng lắm. Nghe tiếng gào khóc trong đau đớn của sản phụ vị này xúc động quá, muốn giúp mà không biết cách nào nên nhanh chóng về gặp đức Phật, thưa lại câu chuyện mình vừa chứng kiến. Đức Phật nói: Chuyện này

muốn giúp không khó. Bây giờ con quay lại nhà đó và nói thế này: “*Kể từ khi tôi được sinh vào dòng các vị Giác ngộ, tôi chưa bao giờ khởi lên tâm niệm muốn hại người, hại vật. Đây là lời chân thật. Do năng lực của lời nói chân thật này, mong rằng người phụ nữ đang đau khổ vì sinh con gặp khó khăn kia được sinh sản dễ dàng, mẹ tròn con vuông.*” Con chỉ cần nói như vậy sẽ giải quyết được vấn đề. Vị tỷ-khuru này đã quay lại trước lều của người sản phụ và lặp lại lời đức Phật dạy, ngay sau đó người phụ nữ đã sinh một cách dễ dàng. Đó là oai lực của chân thật.

Thầy cũng đã làm điều này mấy lần, thầy sử dụng câu nói của vị này giúp cho những Phật tử sinh khó, sinh mổ hay sinh thường và dù thầy ở xa đi nữa, khi thầy hướng tâm giúp cho người ta ở một nơi nào đó trên địa cầu này đều thành công và nhận được phản hồi về là mẹ tròn con vuông, bình an hết. Đó là oai lực chân thật từ lời phát nguyện của ngài Vô Nã. Bây giờ trở lại bài học, chúng ta đã đi quá xa rồi.

Mục đích của xuất gia, ngoài việc giải quyết vấn đề sinh tử của bản thân, việc thứ hai là giúp người khác được thoát khổ. Và nội dung suốt bốn mươi lăm năm đức Phật truyền bá bằng nhiều cách, nhiều pháp thoại khác nhau nhưng luôn luôn chỉ hướng về một nội hàm, đó là Con đường thoát Khổ. Con đường thoát Khổ đó dựa trên nhận thức đúng về một hiện tượng. Hiện tượng đó là gì? Chính là *hiện tượng khổ*,

các nỗi khổ niềm đau khác nhau của nhân loại. Thứ hai là chỉ ra nguyên nhân gì khiến cho chúng sanh phải Khổ. Thứ ba là chấm dứt Khổ. Và muốn hướng đến mục đích chấm dứt Khổ thì phải làm thế nào? Đó là phải thực hành Con đường thoát Khổ, tức là Bát Chánh đạo gồm tám thành tố: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định - tên tám nhóm trong khóa học của các con. (các học viên đã được học khái quát về Tứ Diệu đế trong khóa học).

Bây giờ, để biết đời sống của một vị Sa-môn như thế nào chúng ta hãy nghe đoạn kinh dưới đây. Và sư ông sẽ giải thích vấn tắt nội dung của một bài kệ được đức Phật dạy cho các vị xuất gia, cần phải hằng ngày suy niệm, nghiền ngẫm về bài kệ này để tự nhắc nhở mình. Bài kệ có tên là “Thập quán Sa-môn hạnh”.

(“Thập” là mười, “quán” là suy nghĩ, nghiền ngẫm cho thấu đáo vấn đề, “Sa-môn hạnh” là lối sống của vị Sa-môn.)

*Xuất gia nghi mạo khác đời
Sống nương đàn-việt, thanh thoi cửa Thiên
Tư cách, bốn phận cần chuyên
Oai nghi tế hạnh không phiền đến ai
Nếu đồng Phạm hạnh chê bai
Sớm lo cảnh tỉnh, miệt mài tu thân*

*Nhân, vật yêu mến xa gần
Vô thường tan hợp, xoay vần hợp tan
Nghệp là tài sản đã mang
Nghệp là quyến thuộc lại càng chớ khinh
Nghệp là sở ý, sở sinh
Nhân quả thiện ác phân minh nhiệm mầu
Ngày đêm thấm thoát bóng câu
Làm gì xứng hạnh tâm cầu vô sinh
Trong không-tịch-xứ tinh cần
Độc cư Thiên tịnh phá dần tham, sân
Tu hành Pháp bậc cao nhân
Ngộ Chánh tri kiến giả chân tỏ tường
Đến khi sanh mạng vô thường
Các đồng Phạm hạnh tư lường hỏi han
Xét mình tâm đã bình an
Ra đi chẳng thẹn cùng hàng Sa-môn.*

Bây giờ sư ông sẽ lần lượt giải thích để các con hiểu.

- *Xuất gia nghi mạo khác đời*: tức là dáng dấp, hình tướng bên ngoài khác người đời, người thế tục. Người đời thì áo quần thời trang đủ loại còn vị Sa-môn thì “đầu tròn áo vuông” - nói nôm na vậy.

- *Sống nương đàn-việt, thánh thoi cửa Thiên*: tức là mọi nhu cầu trong đời sống như cái ăn, cái mặc,

cái uông, thuốc men trị bệnh, tất cả đều nương vào đàn-na tín thí. “Đàn-na” là từ phiên âm của từ “dāna” - là cúng dường, bố thí, chia sẻ. “Đàn-việt” cũng là từ phiên âm với nghĩa tương tự như “đàn-na”. Như vậy khi vào trong tu viện, sống đời tu học thành thoi vì không phải bận rộn mưu sinh hay suốt ngày đem chạy đuổi theo các tham cầu, tham ái đủ loại.

- *Tư cách, bốn phận cần chuyên*: do được đàn-na tín thí hỗ trợ cho mình tu học, mình được thành thoi, thì người tu hành phải siêng năng chăm chỉ, giữ gìn tư cách của mình. Và những việc bản thân cần phải làm, nên làm, nên gánh vác thì phải tích cực hành trì, không được biếng nhác bê trễ.

- *Oai nghi tế hạnh không phiền đến ai*: “Oai nghi” tức đi, đứng, ngồi, nằm ngồi, nói năng ứng xử, các cử chỉ hành vi lớn nhỏ phải chuẩn mực, nghiêm túc mới tạo được thiện cảm và sự tôn trọng của người khác. “Giới hạnh” tức là người tu hành phải thọ trì những quy định ở trong nhà Phật dành cho người xuất gia. Đối với Tăng-già hay tổ chức thì có trách nhiệm về hành vi và ứng xử của mình trong mọi hoàn cảnh, mọi đối tượng.

Vậy khi “*tư cách, bốn phận cần chuyên; oai nghi tế hạnh không phiền đến ai*” được làm đúng thì sẽ không làm cho người khác khó chịu, không gây cho người khác bực bội.

- *Nếu đồng Phạm hạnh chê bai*: “đồng Phạm hạnh” tức là người đồng tu, cùng sống đời xuất gia như mình. Chữ “Phạm hạnh” là cái hạnh của vị Phạm thiên. Phạm thiên là vị trời trong Ấn giáo. Để trở thành một vị Phạm thiên thì phải có đời sống thanh tịnh, cho nên học hạnh Phạm thiên là tập sống đời sống thanh tịnh, nội tâm có từ bi hỷ xả.

- *Sớm lo cảnh tỉnh miệt mài tu thân*: Phải thường xuyên tự nhắc nhở mình, nếu mình không siêng năng chăm chỉ tu học, điều chỉnh thân tâm thì mình không xứng đáng là vị Sa-môn.

- *Nhân, vật yêu mến xa gần*: Trong cuộc đời này, người, vật hoặc cảnh vật, bất kỳ cái gì mình từng trải qua, từng tiếp xúc, chung sống và gắn bó thì hôm nay gặp, ngày mai có thể sẽ chia tay, hôm nay tụ, ngày mai sẽ tán. Đó là quy luật. Nếu mình thương mến cái gì thì khi xa lìa mình sẽ khổ đau vì cái đó. Cho nên người tu hành phải tập nhìn ngắm cuộc đời với thái độ khách quan, tập làm chủ tình cảm của mình thì khổ đau mới bớt.

- *Vô thường tan hợp, xoay vần hợp tan*: là diễn tả trạng thái thay đổi liên tục của cuộc đời. Bởi vì hễ mình thương yêu, gắn bó nhiều thì khi phải lìa xa, mất mát mình phải chịu khổ đau lắm, bị tổn thương nhiều hơn.

- *Nghiệp là tài sản đa mang; nghiệp là quyền thuộc lại càng chớ khinh*: “nghiệp” là dịch từ chữ

“kamma” chỉ cho một hành vi có chủ tâm, chủ ý. Tức là một hành vi gieo nhân, theo quy luật nó sẽ có quả. Hành vi thì xuất phát từ thân, khẩu, ý tức là từ thân thể của chúng ta, từ lời nói của chúng ta và từ suy nghĩ của chúng ta. Do vậy cần phải hiểu biết tính chất của nghiệp để tu dưỡng. Nghiệp thiện đưa đến quả báo lạc, còn nghiệp bất thiện thì mang đến khổ đau. Tuy nhiên, nghiệp thiện cho ta giàu sang, phú quý, địa vị thì chính nó ràng buộc mình, cột trói mình. Nghiệp bất thiện làm cho mình khổ đau nhiều mặt: chết yểu, bệnh tật, sinh ra bất hạnh nhiều thứ, thua kém người khác nên khổ đau nhiều hơn. Cả hai loại nghiệp này chính là “người thân” của mình chứ không phải cha mẹ, anh em, không phải chị em, không phải thầy tổ. Chính hành vi của mình và hậu quả của nó luôn đi theo mình như bóng đi theo hình vậy. Cho nên gọi “nghiệp là quyến thuộc” là vậy - không thể xem thường nó đâu. Mình vui buồn gì cũng là do nó, mà nó là do mình tạo ra và nó quay trở lại để “phục vụ” mình tối đa.

- *Nghiệp là sở ý, sở sinh; nhân quả thiện ác phân minh nhiệm mầu*: nghiệp không đâu xa hết, nó sinh ra từ mình và là chỗ dựa của mình, của mỗi chúng sinh. Mỗi hành vi khi vừa thể hiện, một ý niệm mới khởi lên trong tâm (chứ chưa nói đến hành vi), đã hình thành ngay là nghiệp thiện hay nghiệp ác - “nhất niệm khởi thiện ác dĩ phân” - là tốt lành hay xấu độc,

và nó sẽ quyết định hậu quả sau này tốt cho mình hay là không tốt cho mình.

- *Ngày đêm thắm thoát bóng câu. Làm gì xứng hạnh tâm cầu vô sinh?*: “câu” là con ngựa non, con ngựa còn nhỏ tuổi. Có câu chữ Hán: “bạch câu quá khích” có nghĩa là: Ngày và đêm như bóng ngựa thoáng qua khe cửa. Như dân gian thường nói: Mới sáng đó mà đã tối rồi. Điển tích này nói đến sự thay đổi hết sức nhanh chóng của thời gian. Kiểu như: “Ngày vui ngắn chẳng tày gang. Trông ra ác đã ngậm gương non đoài” - như thơ cụ Nguyễn Du nói vậy. Do vậy hãy suy nghĩ đi! Trong suốt ngày hôm nay mình đã sống như thế nào, có xứng đáng với cái hạnh tu học, mục đích tu học của mình không, có xứng đáng với hạnh tâm cầu vô sinh của người xuất gia hay không. Người Sa-môn cần phải tự vấn mình như vậy.

- *Trong không - tịch - xứ tịnh cần*: “không - tịch - xứ” là nói về các trú xứ, nơi chốn tu tập vắng lặng, yên tĩnh, xa phồn hoa đô hội, khu dân cư phù hợp với người xuất gia. Một khi đã có điều kiện không gian thích hợp như vậy cần phải siêng năng chăm chỉ hơn nữa.

- *Độc cư Thiên tịnh phá dần tham, sân*: việc thiên tập để thanh lọc tâm phải một mình chứ không phải tụ tập nhiều người. Sau khi hiểu được ý chỉ, lời dạy của đức Phật và con đường tu tập thì phải tự mình

kiếm nơi thanh vắng một mình, lặng lẽ quán chiếu để phá dần tham sân ở trong lòng.

- *Tu hành Pháp bậc cao nhân*: hành trì, thực hành nhằm điều chỉnh, thay đổi thân khẩu ý của mình theo hướng tích cực, hướng thượng phải dựa trên lời dạy của đức Phật, tức là bậc cao nhân.

- *Ngộ Chánh tri kiến giả chân tỏ tường*: bằng cách siêng năng chăm chỉ tu hành như thế, cho đến lúc chín muồi các điều kiện sẽ thấy ra nguyên nhân, cội nguồn của khổ đau, phiền não. Một khi thấy rõ như thế rồi tức là giác ngộ, là đã có được Chánh tri kiến, nghĩa là thấy rõ bản chất, nguyên nhân sinh ra các hiện tượng khổ đau từ đâu,... đã phân biệt rõ đâu chân đâu giả rồi, tức là hoàn thành được mục đích đời sống xuất gia tu học.

- “*Đến khi sinh mạng vô thường,
Các đồng Phạm hạnh tư lương hỏi han.
Xét mình tâm đã bình an,
Ra đi chẳng thẹn cùng hàng Sa-môn.*”

Do vậy: *Đến khi sanh mạng vô thường*: vô thường là cách nói khéo léo chỉ cho cái chết hoặc bệnh hoạn sắp chết. *Các đồng Phạm hạnh tư lương hỏi han*: Các bạn đồng tu của mình trong đó có thầy, có huynh có đệ, có tử có muội,... tới thăm hỏi vì thấy mình đã cận tử nhất sinh rồi, sắp lìa đời. *Xét mình tâm*

đã bình an: Tự xem xét lại thấy việc lớn nhất trong đời tu hành (sinh tử đại sự) mình đã giải quyết xong, đã thấy rõ nguồn gốc, bản chất của khổ và đã buông mọi ràng buộc, tham luyến xuống rồi nên sẵn sàng ra đi không một chút đắn đo hoặc lo sợ gì nữa. Đó chính là ý nghĩa của câu: “*Ra đi chẳng thẹn cùng hàng Sa môn*”.

3. Hạnh phúc trong đời sống xuất gia.

Chúng ta đã tìm hiểu đời sống xuất gia tu hành như thế nào và mục đích của đời tu là gì qua bài kệ trên. Bây giờ là những hạnh phúc cơ bản từ thấp đến cao của những người đi theo đời sống xuất gia.

Thế gian thì lấy việc tìm kiếm và hưởng thụ ngũ dục làm cứu cánh cho hạnh phúc. Ngũ dục gồm: Thứ nhất là tiền tài, của cải; Thứ hai sắc đẹp, tuổi trẻ; Thứ ba: danh vọng, tiếng tăm; Thứ tư: ăn ngon mặc đẹp; Thứ năm: là ngủ nghỉ hoặc thỏa mãn những ham muốn về xác thịt qua mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Họ nghĩ rằng đó là hạnh phúc cho nên luôn luôn hướng đến chúng, tìm kiếm chúng. Cũng vì vậy mà tạo ra rất nhiều việc bất thiện, những chuyện xấu ác trong quá trình đạt đến mục đích.

Ví dụ để có tiền nhiều người ta phải nghĩ ra cách này cách kia, đổ mồ hôi nước mắt, mưu này kế nọ để có nhiều tiền và hưởng thụ. Vì vậy họ phải chịu quả báo khổ sâu vô số kể. Trong quá trình kiếm tiền,

tìm kiếm danh vọng địa vị, người ta có những hành vi bất thiện, lường gạt, chà đạp, hủy hoại người hoặc sinh linh khác nhằm đạt được mục đích. Do vậy họ tạo nhiều nhân bất thiện rồi phải chịu quả khổ sầu. Thế nhưng sau khi chiếm hữu được và hưởng dụng rồi chúng ta lại tiếp tục tìm kiếm thứ khác cao cấp và có giá trị hơn. Lòng tham không bao giờ dừng nghỉ hoặc có giới hạn. Một ví dụ khác. Hôm nay có chiếc xe máy, ngày mai phải có chiếc xe tay ga. Sau khi có tay ga một thời gian lại chán, muốn có ô tô. Đầu tiên là ô tô bốn chỗ hoặc dòng ô tô bình dân, sau đó phải là ô tô sang trọng, đẳng cấp hơn.

Một vấn đề thôi, lòng tham cứ để ra hoài không bao giờ dừng nghỉ. Vòng tròn tìm kiếm, thỏa mãn nhất thời rồi tiếp tục kiếm tìm, không bao giờ dừng nghỉ. Một khi lòng ham muốn, khát dục chế ngự con người chúng ta, xô đẩy chúng ta chạy tới chạy lui. Và trên con đường luân hồi vô thủy vô chung ấy, máu và nước mắt do tranh giành, đau khổ của bản thân ta và các chúng sinh liên quan đã đổ ra không đong đếm được. Đức Phật từng dạy, nước mắt của mỗi người, mỗi chúng sinh đổ ra trong vòng luân hồi nhiều như nước của bốn đại dương! Hạnh phúc và bình an trong cuộc sống thường nhật của mỗi con người xét một cách chín chắn quả thực là ít ỏi, không đáng kể khi so sánh với nỗi cực nhọc, lo toan, căng thẳng phải đối diện thường xuyên, nhất là trong thời đại hiện nay.

So với thời đại trước thì ngày nay căng thẳng, phiền muộn nhiều hơn gấp nhiều lần mặc dù chúng ta có nhiều tiện ích đời sống hơn. Tuy vậy hầu hết nhân loại không nhận ra sự bế tắc, tối tăm của cái vòng luân quần do tham dục dẫn dắt. Chỉ rất ít người trong số đó do duyên lành hoặc gặp biến cố trong cuộc sống chợt thức tỉnh rồi cố gắng tìm lối thoát ra. Những người hữu duyên này được đức Phật gọi là hạng người có nguyên vọng xuất gia chân chính, chính đáng. Họ khác với các Phật tử tại gia phải bận rộn rất nhiều công việc do các mối tương quan với xã hội như là gia đình, dòng tộc, hội đoàn,... Khi phải gánh vác không ít trách nhiệm, nghĩa vụ, bổn phận với cái mớ bòng bong các loại dây trói buộc này, người cư sĩ tại gia không dễ gì mà gỡ ra được.

Đây là những hạnh phúc trong đời sống xuất gia:

- *Thứ nhất*, người xuất gia một khi đã chính thức được gia nhập Tăng đoàn, được pháp luật quốc gia công nhận là tu sĩ Phật giáo thì đa phần các liên hệ cũ đều không còn. Trước kia là công chức thì giờ không là công chức nữa, trước kia là quân đội thì giờ không còn trong quân đội nữa,... Trách nhiệm bổn phận đối với xã hội đương nhiên được buông xuống. *Đây là loại hạnh phúc an lạc đầu tiên do buông bỏ các mối quan hệ xã hội.* Khi còn là cư sĩ tại gia suốt ngày mình bị ràng buộc, chi phối bởi các mối liên hệ đó,

bây giờ làm người xuất gia thì hạnh phúc đầu tiên là buông bỏ được tất cả điều đó.

- *Thứ hai*, được xã hội tôn trọng, thừa nhận ở vị trí cao hơn do đời sống thoát tục. Trong một quốc gia hay xã hội có truyền thống văn hóa, tôn giáo tốt đẹp, không chỉ người dân bình thường mà các vị đại diện lãnh đạo các cấp cũng thường có thái độ ứng xử tôn trọng người tu hành.

- *Thứ ba*, hạnh phúc có được do từ bỏ quyền tư hữu vật chất. Thông thường chúng ta rất thích có sở hữu riêng, và một xã hội như vua chúa ngày xưa hay chính trị hiện nay cũng luôn luôn khẳng định quyền tư hữu cá nhân, tư hữu tập thể. Ví dụ như gia đình là cộng đồng nhỏ, rồi dòng tộc là cộng đồng lớn hơn, các tổ chức dân sự được nhà nước bảo hộ để tạo sự ổn định trong xã hội, quyền tư hữu hợp pháp. Nhưng cũng chính cái tư hữu này trong mỗi người lại là ngọn lửa thiêu đốt chúng sinh. Đức Phật thấy rõ nguyên nhân này nên đặt ra những quy định dành cho hàng môn đệ xuất gia. Ví dụ như là ngoại trừ một ít vật dụng cá nhân sử dụng hằng ngày như y phục, đồ ăn thức uống, thuốc trị bệnh khi bị đau yếu, chỗ ngủ nghỉ thì cá nhân các vị tăng ni không nên sở hữu thêm bất cứ loại của cải nào khác. Các loại vật chất ở trong các chùa, tu viện nói đúng mức là tài sản chung của cộng đồng tăng ni để phục vụ tăng ni. Và các công việc của nhà chùa, tu viện do vị chủ trì hoặc Ban quản trị cơ sở

quản lý, phân phối. Dù không có quyền tư hữu nhưng các vị phải có trách nhiệm bảo quản và ý thức tiết kiệm, giữ gìn khi sử dụng chung.

- *Thứ tư*, loại hạnh phúc cao cả nhất của đời sống xuất gia chính là *từ bỏ, dứt sạch được phiền não khổ đau của nội tâm*. Đây cũng chính là mục đích tối hậu của đời sống xuất gia.

Như vậy, hạnh phúc có các cấp độ từ thô thiển cho đến thanh tịnh, vi tế, từ thấp đến cao. Cuối cùng, buông bỏ phiền não, dứt sạch khổ sầu là mục đích tối hậu của đời sống xuất gia.

Đức Phật dạy có sáu hạng người xuất gia hay sáu động cơ khiến người ta đi tu:

- *Thứ nhất, là hạng xuất gia của người dốt nát*. Người dốt nát không có định hướng, chủ tâm gì hết, tức là tự dung có người rủ, hoặc tự nhiên thích lên là đi tu thôi, không có kế hoạch hoặc chuẩn bị trước. Hạng người xuất gia kiểu đó thì khi không thích nữa, chán tu, họ về tùy tiện.

- *Thứ hai, xuất gia của người hay giận, hay hờn dỗi*. Vì sao? Giận mẹ cha vô chùa ở. Giận người yêu vô chùa ở. Bị thầy cô la rầy liền bỏ trường vô chùa ở. Và khi hết giận lại bỏ chùa đi.

- *Thứ ba, xuất gia của người chơi giỡn*. Tức là loại người xem đời sống xuất gia như một thú vui

mới, một môi trường mới để mình vào thử nghiệm chơi thôi, sau khi chơi không thích nữa, bỏ đi.

- *Thứ tư, xuất gia của người thu góp tài sản*, nói theo ngôn ngữ dân gian là xuất gia của người mượn đạo tạo đời. Ví dụ, ngoài đời không có cơ hội học hỏi, vô chùa có điều kiện học để sau này có bằng cấp. Ngoài đời không có tài sản, vô chùa được Phật tử kính trọng, thương mến cúng dường, hỗ trợ đủ thứ. Vậy là bắt đầu tích lũy tài sản, mua sắm cho nhu cầu cá nhân: đồ chơi, tiện nghi các thứ, xe cộ, nữ trang,... hay gửi tiền vào ngân hàng cất, tặng biếu gia đình. Đó là xuất gia của người thu góp tài sản.

- *Thứ năm, xuất gia như một cách nuôi mạng*. Tức là thay vì đi làm hằng ngày, bây giờ có sẵn người cúng dường rồi, khỏi đi làm. Ngày có hai ba bữa ăn, có đồ che thân, thỏa mãn với cái chuyện nuôi mạng chứ chẳng có tu tập gì hết. Những người đó họ không có hành trì, tu tập vì mục đích của họ là như vậy.

- *Thứ sáu, xuất gia của người muốn thoát khổ*. Đây mới là nguyên nhân, động cơ chính đáng nhất. Vì khi nhận ra cuộc đời này khổ với những ràng buộc, hệ lụy thì mình quyết tâm xuất gia, quyết tâm thực hành lời dạy của đức Phật. Khi có ai nhắc nhở mình sai quấy, khiếm khuyết thì mình cảm ơn người đó và tiếp tục thay đổi, điều chỉnh thường xuyên.

Cuộc đời một người tu hành chính đáng là thường trực quán sát mình, khi mình tiếp xúc với các đối tượng khác nhau phát sinh những phản hồi,... Từ đó thấy ra cái chưa ổn, chưa thanh tịnh trong mình và điều chỉnh lại các hành vi về thân, khẩu, ý. Đó là động cơ chân chính của một người xuất gia.

Khi các con, trong một lúc nào đó, có thể do duyên lành hoặc gặp một biến cố nào trong cuộc đời, khởi tâm muốn xuất gia, hãy nhớ đến việc mình từng biết xuất gia là gì, đã được nghe giảng về ý nghĩa của nó. Khi tự dừng mình muốn xuất gia, thì phải suy nghĩ kỹ, nhớ về lời dạy của đức Phật về sáu hạng xuất gia này. Nếu không phải xuất gia từ ý nguyện muốn thoát khổ thì việc xuất gia của ta không đúng đắn, không chính đáng. Hơn nữa sẽ làm ảnh hưởng không tốt cho hàng ngũ xuất gia thanh tịnh vì sự hiện diện của mình. Điều này chắc chắn không phải là một hành vi đúng của một người Phật tử.

Khóa tu học mùa hè lần thứ 12, năm 2019